

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2026/HS-ST
Ngày 27-7-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi;

Bà Chu Thị Bời.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lăng Thị Em - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2
- Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/HSST-QĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/HSST-QĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/HSST-QĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2026/HSST-QĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2026/HSST-QĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2026/HSST-QĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026; Quyết định tạm đình chỉ số 01/2026/HSST-QĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026; Quyết định phục hồi vụ án số 01/2026/HSST-QĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Dương Văn V, sinh ngày 11 tháng 5 năm 1999 tại tỉnh Lạng Sơn, căn cước công dân số: 0200990073**, cấp ngày 19 tháng 8 năm 2021, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội - **Bộ C**. Nơi cư trú: **Thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Dương Tiến P**, sinh năm 1979 và bà **Nông Thị L**, sinh năm 1979; có vợ: **Bé Thị H**, sinh năm 2005 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21-8-2025, bị tạm giữ từ ngày 06-6-2026, bị tạm giam từ ngày 10-6-2026 đến nay, có mặt.

- Bị hại: Chị **Bế Thị H**, sinh ngày 10-8-2005, căn cước công dân số: 020305006797, cấp ngày 12 tháng 7 năm 2021, nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội - **Bộ C**. địa chỉ: **Thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên**, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Ông **Dương Tiên P**, vắng mặt.
2. Bà **Nông Thị L**, vắng mặt.
3. Bà **Hoàng Thị T**, vắng mặt.
4. Anh **Hoàng Văn H1**, vắng mặt.
5. Ông **Hoàng Văn L1**, vắng mặt.
6. Chị **Triệu Thị X**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02-6-2025, Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn) ra Quyết định số 27/2025/QĐST-HNGĐ về việc công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa nguyên đơn **Bế Thị H**, sinh ngày 10/8/2005, trú tại: **Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn** và bị đơn **Dương Văn V**, sinh năm 1999, trú tại: **Thôn P, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn**. Quá trình giải quyết vụ án đã xác định **Bế Thị H** đã sinh con là cháu **Dương Huyền T1** vào ngày 10/4/2020. Tại thời điểm sinh con, **Bế Thị H** được 14 tuổi 8 tháng. Qua công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong lĩnh vực dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lạng Sơn) xét thấy vụ việc có dấu hiệu tội phạm nên đã chuyển nguồn tin có dấu hiệu tội phạm đến cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh L** để giải quyết theo quy định.

Quá trình xác minh, điều tra làm rõ: **Dương Văn V** có quan hệ yêu đương với **Bế Thị H** từ khoảng tháng 3 năm 2019. Đến khoảng tháng 7 năm 2019 (lúc này **Bế Thị H** được khoảng 14 tuổi 8 tháng), **Dương Văn V** đã lần đầu quan hệ tình dục với **Bế Thị H** tại phòng 203, nhà nghỉ “**Cô L2**” thuộc **thôn N, xã T, tỉnh Lạng Sơn**, thời điểm đó **Dương Văn V** được 20 tuổi, chị **Bế Thị H** được 13 tuổi 11 tháng. Sau khi quan hệ tình dục, chị **Bế Thị H** phát hiện đã có thai nên hai bên gia đình đã tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và **Bế Thị H** đã chuyển đến nhà **Dương Văn V** chung sống như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn do **Bế Thị H** chưa đủ tuổi. Quá trình chung sống, **Dương Văn V** và **Bế Thị H** nhiều lần quan hệ tình dục với nhau tại nhà của **Dương Văn V**.

Ngày 10-4-2020, **Bế Thị H** đến **Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Lạng Sơn** (nay là **Trung tâm Y tế K**) sinh được 01 con đặt tên trong Giấy chứng sinh là **Dương Hạ V1**. Tại thời điểm sinh con, **Bế Thị H** được 14 tuổi 8 tháng.

Ngày 16-8-2023, Dương Văn V và Bé Thị H cùng đến Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn đăng ký kết hôn và đăng ký khai sinh cho con gái tên là Dương Huyền T1, sinh ngày 10/4/2020.

Trong quá trình sinh sống, do bất đồng quan điểm, Dương Văn V và Bé Thị H thống nhất ly hôn. Ngày 02-6-2025, Dương Văn V và Bé Thị H đã hoàn tất thủ tục ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 27/2025/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lạng Sơn).

Tại Kết luận giám định ADN số: HT456.25/PY-XNSH ngày 04-8-2025 của V2 – Cục Q kết luận: Dương Văn V và Dương Huyền T1 có quan hệ huyết thống Cha – Con.

Tại Cơ quan điều tra, Dương Văn V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKSKV2-HS ngày 20/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Dương Văn V về tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Dương Văn V đã khai nhận thành khẩn về toàn bộ quá trình phạm tội của bản thân, bị cáo không khai báo bổ sung. Bản thân bị cáo trước đây và hiện nay chưa được bồi thường thiệt hại gì cho bị hại.

Bị hại Bé Thị H trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Do chị ở xa và bận công việc nên xin xét xử vắng mặt và xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Dương Văn V phạm tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Dương Văn V từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra, truy tố bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại, tại quá trình Tòa án thụ lý giải quyết bị hại có nộp biên bản thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại xác nhận bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), nhưng không có chữ ký xác nhận của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo trình bày bị cáo chưa bồi thường thiệt hại gì cho bị hại, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận ra sai phạm của mình, rất ăn năn hối hận, mong được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt bị hại **Bé Thị H** và những người làm chứng ông **Dương Tiến P**, bà **Nông Thị L**, bà **Hoàng Thị T**, anh **Hoàng Văn H1**, ông **Hoàng Văn L1**, chị **Triệu Thị X** trong hồ sơ thể hiện họ đã có lời khai. Xét thấy việc vắng mặt của bị hại, những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; Kết luận giám định số: HT456.25/PY-XNSH ngày 04-8-2025 của **V2 – Cục Q** về kết luận giám định ADN và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, do đó đủ căn cứ xác định: Xuất phát từ quan hệ yêu đương, khoảng tháng 7 năm 2019, **Dương Văn V** đã lần đầu quan hệ tình dục với **Bé Thị H** (lúc này **Bé Thị H** được 13 tuổi 11 tháng). Sau khi quan hệ tình dục, **Bé Thị H** phát hiện đã có thai nên hai bên gia đình đã tổ chức đám cưới và **Bé Thị H** đã chuyển đến nhà **Dương Văn V** chung sống như vợ chồng. Quá trình chung sống, **Dương Văn V** và **Bé Thị H** nhiều lần quan hệ tình dục với nhau tại nhà của **Dương Văn V**. Tất cả những lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục, cả hai đều tự nguyện, không bị ép buộc, cưỡng bức. Ngày 10/4/2020, **Bé Thị H** sinh được cháu **Dương Hạ V1** (là tên trong Giấy chứng sinh, tên trong Giấy khai sinh là **Dương Huyền T1**). Khi sinh con, **Bé Thị H** được 14 tuổi 8 tháng. Hành vi của bị cáo **Dương Văn V** đã đủ yếu tố cấu thành tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự năm 2015, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nên phải bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo gây ra đã vi phạm quy định về quyền được bảo vệ về nhân thân, đã xâm phạm tình dục cũng như sự phát triển của người đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi. Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Chính vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi của mình gây ra.

[5] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên xác định bị cáo là người có nhân thân tốt. Tuy nhiên trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết bị cáo đã bỏ trốn nên gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; sau khi có quyết định truy nã bị cáo đã đầu thú do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 145 của Bộ luật Hình sự năm 2015 bị cáo **Dương Văn V** có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung “Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Xét thấy bị cáo không đủ điều kiện áp dụng hình phạt bổ sung nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bị hại chị **Bế Thị H** có nộp Biên bản thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại xác nhận bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), tuy nhiên không có chữ ký xác nhận của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo trình bày bị cáo chưa bồi thường thiệt hại gì cho bị hại, do đó không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[10] Đối với ông **Dương Tiến P**, sinh năm 1979, bà **Nông Thị L**, sinh năm 1979, bà **Hoàng Thị T**, sinh năm 1970 biết việc **Dương Văn V** có quan hệ tình dục với **Bế Thị H** khi **Bế Thị H** chưa đủ 16 tuổi. Ông **Dương Tiến P** và bà **Nông Thị L** cho phép bị cáo **Dương Văn V** đưa chị **Bế Thị H** đến sinh sống tại nhà mình và không tố giác tội phạm. Xét thấy ông **Dương Tiến P**, bà **Nông Thị L**, bà **Hoàng Thị T** là bố mẹ đẻ của bị cáo **Dương Văn V** và bị hại **Bế Thị H** nên hành vi của ông ông **Dương Tiến P**, bà **Nông Thị L**, bà **Hoàng Thị T** không cấu thành tội không tố giác tội phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[11] Đối với con của bị cáo **Dương Văn V** và chị **Bế Thị H** là cháu **Dương Huyền T1** hiện đang sinh sống cùng bị cáo **Dương Văn V** tại **thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn**.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn là phù hợp, đúng quy định nên được chấp nhận.

[13] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo là người bị kết án nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt

khó khăn thuộc diện được miễn nộp tiền án phí, Tòa án đã giải thích tuy nhiên bị cáo không có đơn xin miễn án phí nên bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

[14] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 136; các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo **Dương Văn V** phạm tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

- Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo **Dương Văn V** 03 (ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 06-6-2026.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về án phí: Buộc bị cáo **Dương Văn V** phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 2 - Lạng Sơn;
- Công an tỉnh Lạng Sơn (phòng hồ sơ);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Lạng Sơn;
- Trại TGCA tỉnh Lạng Sơn.
- Phòng THADS khu vực 2 - Lạng Sơn;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Linh